

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HC-PT
Ngày: 19/4/2021
V/V: Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 427/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 28/2020/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2838/2020/QĐPT-HC ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C. Địa chỉ: Tổ 66B, khu 8, phường T, thành phố H, tỉnh Q. Ông K và bà C đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Hùng A - Văn phòng luật sư Q và Liên Doanh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; ông A có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Địa chỉ: Số 219 Nguyễn Văn S, phường Y, thành phố H, tỉnh Q.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân tỉnh Q: ông Cao Tường H - Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân tỉnh Q:

Ông Lê Văn Đ - Phó Chủ tịch hội Nông dân tỉnh; có mặt.

Ông Vũ Kiên C - Trưởng ban Dân vận; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND thành phố H: Bà Lư Hải Y – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; có mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân phường T.

3.4. Hợp tác xã trồng rau Z (đã giải thể theo Quyết định số 4180/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2017 của UBND TP H).

Người làm chứng: Nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã - ông Vũ Hồng Q. Địa chỉ: Tổ 39, khu 4, phường T, H, Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa của người khởi kiện trình bày:

Trước năm 1960, thửa đất 169 tờ bản đồ địa chính số 22 là một cửa lò khai thác than thời thực dân Pháp để lại. Sau năm 1960, UBND thị xã G giao cho Hợp tác xã trồng rau Z (HTX) quản lý chứa nước để phục vụ sản xuất rau. Trong suốt quá trình quản lý, HTX không có hồ sơ giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật, chỉ có bản đồ tỷ lệ 1/1000 thể hiện các thửa đất nông nghiệp (trong đó có thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 22) được UBND thành phố H phê duyệt năm 1997.

Năm 1986, HTX giao cho bà Nguyễn Thị C là xã viên tổng diện tích là 1.621,4m², trong đó 958,8m² đất sử dụng vào mục đích trồng rau; 662,6m² sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, kết hợp trồng rau và giữ nước tưới tiêu. Thời điểm đó, HTX giao đất cho các xã viên chỉ bằng miệng không có quyết định giao đất.

Trong quá trình sử dụng đất, thửa đất có diện tích 662,6m² (thửa số 169 tờ bản đồ số 22) bị các hộ dân xung quanh lấn chiếm nên năm 1999, HTX ký hợp đồng thuê khoán cho phép bà C quản lý để giữ nước và nuôi trồng thủy sản với thời hạn 03 năm. Năm 2004, ký lại hợp đồng không thời hạn, gia đình bà C thực

hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX.

Năm 2009, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu đô thị mới phường T, đối với thửa đất 169 tờ BĐDC số 22, UBND thành phố H thu hồi 91m² để làm đường giao thông, bà C đã được bồi thường 54.000 đồng/m² và hỗ trợ 20% x 2.000.000 đồng giá đất liền kề với đất ở và các loại cây cối hoa màu khác.

Năm 2010, gia đình bà C có đơn xin lấp ao và chuyển đổi mục đích sử dụng đất (trong đơn đã được HTX xác nhận). Sau khi nhận được đơn, trên cơ sở báo cáo đề xuất của phòng Quản lý đô thị thành phố H, ngày 24/9/2010, UBND thành phố H có Văn bản số 2325/UBND với nội dung: “Cho phép bà Nguyễn Thị C tự bỏ kinh phí thuê đơn vị tư vấn lập và trình duyệt quy hoạch, sau khi quy hoạch được duyệt giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường căn cứ quy định hiện hành hướng dẫn làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho hộ dân”. Gia đình bà C đã tự bỏ kinh phí để lập quy hoạch.

Ngày 29/01/2011, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/200 thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 22 phường T, tổng diện tích quy hoạch là 509,5m², được chia thành 04 ô đất ở. Để thực hiện Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/200 đã được UBND thành phố H phê duyệt, ngày 14/6/2013, UBND phường T đã chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị thành phố H và HTX trồng rau Z họp đề xuất phương án giao đất, trong đó có nội dung đề nghị HTX có văn bản trả lại đất để có cơ sở giao đất cho các đối tượng. Trên cơ sở đó, HTX trồng rau Z đã có đơn xin trả lại đất và ngày 18/01/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND thu hồi 506,9m² đất của HTX giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H quản lý.

Gia đình bà C đã làm đơn đến UBND thành phố H xin cấp GCNQSD đất nhưng không được giải quyết. Sau đó gia đình bà khiếu nại và Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Không đồng ý với Quyết định số 4582/QĐ-UBND, gia đình bà C tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Ngày 19/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 840/QĐ-UBND với nội dung: Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 4582/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 29/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1878/QĐ-UBND, có nội dung: Tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 840/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà Trịnh Minh K, Nguyễn Thị C. Ngày 11/12/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 5102/QĐ-

UBND về việc thay thế Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018, có nội dung: Đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 4582/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H, không chấp nhận nội dung khiếu nại của hộ gia đình ông Trịnh Minh K, bà Nguyễn Thị C về đề nghị được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 169 tờ bản đồ 22 phường T.

Do không đồng ý với các Quyết định trên, ông K bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Q hủy các Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018, Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q và Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Q, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, bà Nguyễn Thị C là xã viên HTX từ năm 1986 đến khi HTX giải thể, được HTX giao đất, chứ không phải là người ngoài HTX đến thuê ao.

Thứ hai, đất này được chuyển đổi mục đích sử dụng là để ở, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch xây dựng thành phố H đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 250/QĐ-2003/QĐ-Ttg ngày 20/11/2003.

Thứ ba, tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư Khu đô thị mới T, các xã viên (trong đó có bà C) đã được bồi thường hỗ trợ về đất theo nguyên tắc “Người sử dụng đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì đủ điều kiện được bồi thường về đất”.

Thứ tư, gia đình bà đã được chính quyền cho phép tự bỏ kinh phí thuê đơn vị tư vấn lập và trình duyệt quy hoạch.

Ngoài ra, người khởi kiện còn viện dẫn trường hợp hai hộ xã viên cũng ký hợp đồng thuê khoán với HTX, nay đã được cấp GCNQSD đất đối với phần đất được giao và xây dựng công trình nhà ở trên đất, gồm: hộ ông Nguyễn Văn T - bà Trần Thị M (địa chỉ: tổ 39, khu 4, phường T, thành phố H, tỉnh Q); ông Đoàn Văn P (địa chỉ: tổ 52, khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Q).

Tại Bản tự khai ngày 18/06/2019 của đại diện theo ủy quyền người bị kiện cũng như các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quan điểm:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, với các lý do sau:

Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 840/QĐ-UBND với nội dung: Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 4582/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H thì UBND tỉnh nhận được Văn bản số 211/UBND ngày 22/5/2018 của UBND phường T, thành phố H về kết quả cuộc họp công khai Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018, đồng thời nhận được đơn khiếu nại của 15 công dân nguyên là xã viên HTX rau Z đề nghị không giao đất cho hộ ông Trịnh Minh K.

Qua xem xét thấy có phát sinh tình tiết mới, cần phải thẩm tra, xác minh lại vụ việc đảm bảo khách quan, đúng pháp luật; do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 840/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Trịnh Minh K. Đồng thời với việc tạm đình chỉ, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho các cơ quan có thẩm quyền rà soát lại kết quả thẩm tra, xác minh giải quyết khiếu nại của hộ ông K. Từ kết quả rà soát lại về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 169 tờ bản đồ số 22 phường T của hộ ông Trịnh Minh K, Chủ tịch UBND tỉnh đã nhận định: Thửa đất số 169 tờ bản đồ số 22 phường T thuộc quyền quản lý, sử dụng của HTX trồng rau Z, hộ bà C chỉ là người thuê diện tích ao trên để sử dụng. Vì vậy, khiếu nại của hộ ông Trịnh Minh K đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là không có cơ sở giải quyết.

Tại Điều 1 của Quyết định số 1878/QĐ – UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q có ghi rõ: “Thời gian tạm đình chỉ: 60 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định này”. Như vậy, Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 chỉ có hiệu lực đến hết ngày 29/7/2018, sau đó Quyết định này không còn hiệu lực. Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là không có căn cứ.

Đối với Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Q về việc thu hồi 506,9m² đất do HTX trồng rau Z đang quản lý giao cho UBND thành phố H quản lý. Tại Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015 thì người khởi kiện không còn quyền khởi kiện Quyết định số 212/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q vì đã hết thời hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và Ủy ban nhân dân thành phố H có quan điểm:

Về nguồn gốc của thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 22 là hồ nước phục vụ tưới tiêu do HTX rau Z quản lý. Năm 1994, HTX ký hợp đồng thuê khoán cho phép hộ bà C sử dụng làm ao thả cá. Năm 2010 gia đình bà C đổ đất xây nhà tạm và bị UBND thành phố H xử lý vi phạm. Ông bà K C đã được UBND thành phố H cho phép bỏ kinh phí lập quy hoạch và được phê duyệt tại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 29/01/2011. Tuy nhiên sau khi nhận quyết định phê duyệt quy hoạch, các xã viên HTX đã gửi kiến nghị lên UBND thành phố về việc thu hồi quy hoạch. UBND thành phố đã giao UBND phường T cùng Ban quản trị HTX tổ chức công bố quy hoạch và đề xuất ưu tiên đối tượng giao đất là ông bà C K vì đã bỏ kinh phí lập quy hoạch.

Trong thời gian hoàn thiện hồ sơ trả đất của HTX và ý kiến thẩm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường, ông bà C K có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 169. UBND thành phố đã có Văn bản số 5306 ngày 07/9/2016 yêu cầu HTX phải hoàn thiện hồ sơ để UBND tỉnh thu hồi quỹ

đất trên giao thành phố quản lý. UBND thành phố sẽ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của UBND thành phố, ông bà C K đã khiếu nại và ngày 30/11/2016 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4582/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại. Quan điểm của Chủ tịch và UBND thành phố H là hoàn toàn đồng tình với Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân phường T có quan điểm: Về nguồn gốc thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 22 thì từ năm 1994 đến năm 2009 là ao nước phục vụ tưới tiêu của HTX rau Z. Năm 1994, HTX rau Z đã ký hợp đồng thuê khoán với bà Nguyễn Thị C sử dụng làm ao thả cá. Đầu năm 2009, gia đình bà C lấp ao khi chưa được các cấp có thẩm quyền cho phép. Năm 2010, gia đình bà C có đơn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở. Ngày 24/9/2010, UBND thành phố có Văn bản số 2325/UBND cho phép bà C tự bỏ kinh phí thuê đơn vị tư vấn lập và trình duyệt quy hoạch theo quy định. Ngày 29/01/2011, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch theo đó diện tích quy hoạch là 509,5m² được chia làm 04 ô đất ở. Tháng 7/2011, bà Nguyễn Thị C cùng với ông Trần Ngọc T và bà Bùi Thị Thúy M tự ý xây 3 móng nhà trái phép trên thửa đất. UBND phường đã kiểm tra, báo cáo UBND thành phố H ban hành Quyết định cưỡng chế các hộ đã tự giác tháo dỡ công trình. Sau đó, bà Nguyễn Thị C tận dụng diện tích đất trống dựng cột, san nền lợp mái tôn để bán hàng ăn sáng và rửa xe tạo thu nhập ổn định cuộc sống đồng thời cam kết sẽ tháo dỡ ngay công trình trả lại mặt bằng khi nhà nước thu hồi.

Người làm chứng ông Vũ Hồng Q – nguyên chủ nhiệm HTX trồng rau Z trình bày: Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất như ông bà C K đã trình bày. Năm 1999 và năm 2004, HTX có ký hợp đồng thuê khoán với gia đình ông K bà C để đầu tư nạo vét, cải tạo ao hồ, dự trữ nước chăn nuôi tăng gia sản xuất và ngăn chặn việc lấn chiếm của các hộ dân xung quanh. Tại thời điểm này cũng có hai hộ xã viên ký hợp đồng thuê khoán với HTX (nay đã được cấp GCNQSD đất đối với phần đất được giao và xây dựng công trình nhà ở trên đất) là hộ ông Nguyễn Văn T- bà Trần Thị M (địa chỉ: tổ 39, khu 4, phường T, tp H, tỉnh Q) và hộ ông Đoàn Văn P (địa chỉ: tổ 52, khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Q). Ông Q có quan điểm, nay HTX đã giải thể từ năm 2017, đề nghị thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 22 phải được cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2020/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh K – bà Nguyễn Thị C về hủy các quyết định sau: Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày

29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q “Về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà: Trịnh Minh K – Nguyễn Thị C, trú tại tổ 66, khu 8, phường T, thành phố H”; Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q “Về việc thay thế Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà: Trịnh Minh K - Nguyễn Thị C, trú tại tổ 66, khu 8, phường T, thành phố H”; Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Q “Về việc thu hồi 506,9m² đất do HTX trồng rau Z đang quản lý giao cho UBND thành phố H quản lý”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2020, người khởi kiện có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của người bị kiện đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Chủ tịch UBND thành phố H và UBND thành phố H đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông K và bà C; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/01/2019, ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; hủy Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Q thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố

H; Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 Chủ tịch UBND tỉnh Q là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành các quyết định:

Về thẩm quyền: Căn cứ theo khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND và Quyết định số 1878/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 66 Luật đất đai 2013, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục: Ngày 24/10/2016, HTX trồng rau Z là tổ chức được giao đất có đơn xin trả lại thửa số 169 tờ bản đồ địa chính số 22. Ngày 15/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thẩm tra hiện trạng thửa đất. Ngày 17/11/2016, HTX đã tiến hành họp thông báo việc trả đất với các xã viên. Ngày 06/12/2016, UBND phường T đã có báo cáo về ranh giới, mốc giới, tình trạng thửa đất. Ngày 14/12/2016, UBND thành phố H có tờ trình UBND tỉnh Q về việc thu hồi đất. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật đất đai 2013 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 về việc thu hồi 506,9m² đất do HTX trồng rau Z đang quản lý giao cho UBND thành phố H quản lý là đúng trình tự, thủ tục.

Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông K và bà C, UBND tỉnh Q nhận được Văn bản số 211/UBND ngày 22/5/2018 của UBND phường T, thành phố H về kết quả cuộc họp công khai Quyết định số 840/QĐ-UBND, đồng thời nhận được đơn khiếu nại của 15 công dân (nguyên là xã viên HTX rau Z) đề nghị không giao đất cho hộ ông K. Do phát sinh tình tiết mới, cần phải thẩm tra, xác minh lại vụ việc để đảm bảo khách quan. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q và giao các cơ quan có thẩm quyền xác minh nội dung khiếu nại của 15 công dân để đảm bảo khách quan, đúng pháp luật. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Báo cáo số 6829/TNMT-Ttr ngày 12/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 thay thế Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1878/QĐ-UBND và Quyết định số 5102/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nội dung của Quyết định số 212/QĐ-UBND, Quyết định số 1878/QĐ-UBND và Quyết định số 5102/QĐ-UBND:

Bà Nguyễn Thị C là xã viên HTX trồng rau Z; năm 1986, HTX rau Z giao cho bà C tổng diện tích 1.621,4m² đất nông nghiệp, trong đó 948,8m² đất trồng rau, 662,6m² đất nuôi trồng thủy sản, kết hợp trồng rau và giữ nước phục vụ tưới tiêu thuộc thửa số 169 tờ bản đồ địa chính số 22 phường T, xác định chủ sử dụng là HTX rau Z, không có hồ sơ giao đất, thuê đất. Trong quá trình sử dụng, thửa số 169 bị các hộ dân lấn chiếm; năm 1999, HTX trồng rau Z ký hợp đồng thầu khoán 03 năm với bà C để quản lý, sử dụng đảm bảo tưới tiêu, nuôi cá. Đến năm 2004, hai bên lại ký hợp đồng giao thầu không kì hạn. Quá trình nhận thầu ao, hộ gia đình bà C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX thể hiện các hóa đơn có nội dung thu là: Thu sản phẩm thầu ao. Năm 2009, thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu đô thị mới phường T, bà C bị thu hồi hết 958,8m² đất trồng rau, được bồi thường đất nông nghiệp và kiến trúc trên đất, hỗ trợ 20% đất liền kề, hỗ trợ ổn định đời sống được bồi thường bằng 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Thửa số 169 chỉ bị thu hồi 91m² để làm đường giao thông, hộ gia đình bà C được bồi thường, hỗ trợ 100% mà không phải nộp về HTX 30% như các hộ khác vì ao do hộ bà C quản lý, sử dụng phải tự nạo vét bùn, vệ sinh, tu sửa.

Hộ gia đình bà C sử dụng thửa số 169 không có tranh chấp. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng mục đích lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp phải căn cứ vào phương án do UBND xã, phường phối hợp với HTX nông nghiệp và hội nông dân xây dựng, đề nghị UBND cấp huyện, thành phố thuộc tỉnh giao đất và cấp giấy chứng nhận cho họ. Đối với khu đất nông nghiệp của HTX rau Z từ trước đến nay chưa thực hiện việc lập phương án và đề nghị UBND thành phố giao đất cho các hộ dân theo khoản 1 Điều 12 Nghị định 64/CP vì vậy mà hộ ông K, bà C chưa được giao thửa số 169, bởi lẽ Điều 2 Nghị định 64/CP quy định đối với những loại đất nông nghiệp không thể giao cho từng hộ gia đình, cá nhân thì cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Tại bản đồ tỷ lệ 1/1000 thể hiện các thửa đất nông nghiệp (trong đó có thửa số 169 tờ bản đồ địa chính số 22 diện tích là 668,9m²) được UBND thành phố H phê duyệt năm 1997 xác định là đất ao, chủ sử dụng đất là HTX rau Z. Tại hồ sơ địa chính của phường lập năm 1998 thửa 169 tờ bản đồ 22 được xác định là ao, chủ sử dụng đất là HTX rau Z. Như vậy, việc HTX cho hộ bà C thầu khoán diện tích ao chính là việc cho thuê đất ao; thửa số 169 vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của HTX rau Z. Do đó, khiếu nại của hộ ông K yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 169 phường T là không có cơ sở giải quyết. Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND và Quyết định số

1878/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật. UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND thu hồi diện tích 506,9m² đất là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông K và bà C đề nghị hủy các quyết định nêu trên.

[3] Xét các Quyết định hành chính có liên quan đến các Quyết định bị khởi kiện, cụ thể:

Thửa 169 tờ bản đồ 22 được xác định là ao, chủ sử dụng đất là HTX rau Z, thuộc quyền quản lý sử dụng của HTX rau Z; HTX rau Z cho hộ ông K thuê khoán diện tích ao. Hộ ông K khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 30/11/2016, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4582/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông K và bà C, có nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông K và bà C là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành cũng như nội dung đảm bảo quy định pháp luật.

Đối với Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà Trịnh Minh K, Nguyễn Thị C đã được thay thế bởi Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002202 ngày 15/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q; hoàn trả cho ông K số tiền 300.000đ theo Biên lai số 0002203 ngày 15/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K, bà C mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm là không chính xác; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2020/HC-ST ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh K, bà Nguyễn Thị C về hủy các quyết định sau: Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q “Về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà: Trịnh Minh K, Nguyễn Thị C, trú tại tổ 66, khu 8, phường T, thành phố H”; Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q “Về việc thay thế Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà: Trịnh Minh K, Nguyễn Thị C, trú tại tổ 66, khu 8, phường T, thành phố H”; Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Q “Về việc thu hồi 506,9m² đất do HTX trồng rau Z đang quản lý giao cho UBND thành phố H quản lý”.

2. Về án phí:

Ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm; được đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007315 ngày 02/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.

Ông Trịnh Minh K và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002202 ngày 15/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q; hoàn trả cho ông K số tiền 300.000đ theo Biên lai số 0002203 ngày 15/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình

